

## KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 5

Địa chỉ: 590-594 Đường Tỉnh Lộ 10, Phường Bình Trị Đông, TPHCM

### I. MỤC TIÊU:

#### 1. Nghe:

Luyện tập kỹ năng nghe, học viên của từng cấp độ phải nghe được tối thiểu 80% nội dung, mục tiêu yêu cầu của cấp độ. Đảm bảo sau cùng học viên thành thực kỹ năng, tự tin trong giao tiếp và tham gia các kỳ thi có kết quả cao.

#### 2. Nói:

Luyện tập kỹ năng phát âm, giao tiếp, đàm thoại trong giao tiếp hàng ngày, học viên của từng cấp độ phải nói được tối thiểu 80% nội dung, mục tiêu yêu cầu của cấp độ. Đảm bảo sau cùng học viên thành thực kỹ năng, tự tin trong giao tiếp và tham gia các kỳ thi có kết quả cao.

#### 3. Đọc:

Luyện tập phát âm chuẩn, âm điệu khi đọc đoạn văn, khả năng phân tích câu và đoạn văn. Đảm bảo sau cùng học viên thành thực kỹ năng, tự tin trong giao tiếp và tham gia các kỳ thi có kết quả cao.

#### 4. Viết:

Luyện tập kỹ năng văn phạm, từ vựng, cấu trúc câu và triển khai ý văn trọn vẹn.

### II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Số lớp: 22; Số học viên: 153

2. Tình hình đội ngũ:

Số giáo viên: 6 giáo viên; Trình độ đào tạo: Cao đẳng 0 giáo viên; Đại học: 6 giáo viên; trên đại học: 0 giáo viên.

3. Thiết bị dạy học:

STT	Tên thiết bị, đồ dùng dạy học	Số lượng
1.	Bàn học sinh	96
2.	Ghế học sinh	96
3.	Bảng	6
4.	Máy tính	4
5.	Máy chiếu	2
6.	Tivi	7
7.	Máy lạnh	7

**III. CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY:**

**1. Chương trình tiếng Anh thiếu nhi:**

**1.1 Các khoá học và nội dung đào tạo:**

Quy đổi CEFR	Khóa học	Nội dung	Số giờ học		Tổng giờ học
			Lý thuyết	Thực hành	
<b>Starter</b>					
A1	Pre-kids 1 - 6	Các bé được xây dựng nền tảng từ vựng, cách phát âm, và có thể <u>vừa chơi vừa học</u> trong môi trường thân thiện.	27 giờ	18 giờ	45 giờ
A1	Bronze Bee 1-4	Các bé làm quen với những từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản, tập trung vào các chủ đề gần gũi xung quanh.	32 giờ	26.5 giờ	58.5 giờ
<b>Mover</b>					

A2	Silver Bee 1-4	Các bé có thể hiểu được các từ vựng và cấu trúc đơn giản, và trong giai đoạn này, các bé được <u>nâng cấp</u> lượng từ vựng và học các <u>cấu trúc phức tạp hơn</u> .	32 giờ	26.5 giờ	58.5 giờ
<b>Flyer</b>					
A2	Gold Bee 1-4	Các bé đã hình thành tư duy phản biện và mong muốn được giao tiếp, tranh luận với bạn bè nhiều hơn, vậy nên giai đoạn này chương trình học tập trung phát triển <u>toàn diện 4 kỹ năng</u> Nghe, Nói, Đọc, Viết và tư duy để các bé có thể <u>phát triển các đoạn hội thoại</u> khi giao tiếp với thầy cô và bạn bè.	32 giờ	26.5 giờ	58.5 giờ

### 1.2 Tài liệu giảng dạy:

Khoá học	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Cơ quan phát hành
Pre-kids 1	Super Safari 1	Herbert Puchta	Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Pre-kids 2			Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Pre-kids 3			Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Pre-kids 4	Show and tell 1	Oxford University Press	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Pre-kids 5			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Pre-kids 6			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

Bronze Bee 1	Everybody Up 1	Patrick Jackson, Susan Banman Sileci, Kathleen Kampa, Charles Vilina	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Bronze Bee 2			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Bronze Bee 3	Everybody Up 2	Patrick Jackson, Susan Banman Sileci, Kathleen Kampa, Charles Vilina	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Bronze Bee 4			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Silver Bee 1	Everybody Up 3	Patrick Jackson, Susan Banman Sileci, Kathleen Kampa, Charles Vilina	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Silver Bee 2			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Silver Bee 3	Everybody Up 4	Patrick Jackson, Susan Banman Sileci, Kathleen Kampa, Charles Vilina	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Silver Bee 4			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Gold Bee 1	Everybody Up 5	Patrick Jackson, Susan Banman Sileci, Kathleen Kampa, Charles Vilina	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Gold Bee 2			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Gold Bee 3	Everybody Up 6	Patrick Jackson, Susan Banman Sileci, Kathleen Kampa, Charles Vilina	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Gold Bee 4			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

## 2. Chương trình tiếng Anh IELTS:

### 2.1 Các khoá học và nội dung đào tạo:

Quy đổi	Khoá học	Nội dung	Số giờ học		Tổng giờ học
			Lý thuyết	Thực hành	
A1	IELTS Foundation 1 (trương đương 0-3.5)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giúp học viên xây dựng sự tự tin trong suốt khoá học và là nền tảng vững chắc trong các giai đoạn sau.</li><li>- Học viên bắt đầu có ý tưởng và làm quen với những gì sẽ gặp trong bài kiểm tra.</li></ul>	45 giờ	15 giờ	60 giờ
A2	IELTS Foundation 2 (trương đương 3.5 – 4.5)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các chủ đề được thiết kế phù hợp với nhu cầu và khả năng của học viên nhằm giúp học viên phát triển các kỹ năng và kiến thức liên quan đến các vấn đề hàng ngày.</li><li>- Giúp học viên xây dựng sự tự tin trong suốt khoá học và là nền tảng vững chắc trong các giai đoạn sau.</li><li>- Học viên bắt đầu có ý tưởng và làm quen với những gì sẽ gặp trong bài kiểm tra.</li></ul>	45 giờ	15 giờ	60 giờ
B1	IELTS Express (trương đương 4.5-5.5)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các chủ đề học được lựa chọn dựa trên các chủ đề phổ biến trong kỳ thi.</li><li>- Ngôn ngữ và việc phát triển toàn diện các kỹ năng được xây dựng dựa trên những nghiên cứu và xem xét các lỗi mà học sinh ở cấp độ này thường mắc phải trong bài thi IELTS.</li></ul>	90 giờ	30 giờ	120 giờ
B2	IELTS Essential (trương đương 5.5 – 6.5)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các chủ đề được chọn phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh ở cấp độ này. Đó là những chủ đề xuất hiện trong bài kiểm tra IELTS, nhưng đã được điều chỉnh theo nhu cầu và sở thích của học viên.</li></ul>	90 giờ	30 giờ	120 giờ

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bao gồm đầy đủ các bài kiểm tra cả ở sách và trong các mô-đun online. Tuy nhiên, chương trình vẫn nhấn mạnh vào các phần của bài kiểm tra giúp học viên chinh phục 6 hoặc 6.5 cũng như tối đa hóa cơ hội đạt được số điểm mà học viên cần.</li> <li>- Ngữ pháp và từ vựng được tích hợp vào phát triển kỹ năng, nên học viên có thể cải thiện kỹ năng ngôn ngữ cũng như các kỹ năng cần học để đạt được điểm số mong muốn.</li> </ul>			
C1	IELTS Power (tương đương 6.5 – 7.0)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tất cả các chủ đề đều mang tính chuyên sâu nhằm giúp học viên có được kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ vững chắc để chinh phục band điểm như mong muốn.</li> <li>- Song song với chương trình học chính khoá là những buổi giải đề, nhằm giúp học viên làm quen với áp lực phòng thi.- Giúp học sinh đạt được điểm tối thiểu là 6.5 trong bài thi IELTS</li> </ul>	90 giờ	30 giờ	120 giờ

## 2.2 Tài liệu giảng dạy:

Khoá học	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Cơ quan phát hành
IELTS Foundation 1	Mindset Foundation	Greg Archer, Joanna Kosta, Lucy Pasmore, Jishan Uddin	Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
IELTS Foundation 2	Mindset Foundation	Greg Archer, Joanna Kosta, Lucy Pasmore, Jishan Uddin	- Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
IELTS Express	Mindset level 1	Peter Crosthwaite, Susan Hutchison, Claire Wijayatilake, Natasha De Souza	Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
IELTS Essential	Mindset level 2	Peter Crosthwaite, Natasha De Souza, Marc Loewenthal	Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
IELTS Power	Mindset level 3	Greg Archer, Claire Wijayatilake	Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

### \*Ghi chú:

- Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu (viết tắt CEFR)

### III. PHÂN PHỐI THỜI GIAN GIẢNG DẠY

#### 1. Chương trình tiếng Anh thiếu nhi

##### 1.1. Khóa Starters

Tài liệu giảng dạy: Super Safari 1, Puchta, Herbert, Gerngross, Günter, Lewis-Jones, Peter – Nhà xuất bản CAMBRIDGE – Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

STT	TÊN BÀI, CHƯƠNG	SỐ GIỜ			GHI CHÚ
		LT	TH	TỔNG	
1	Unit 1: My class	1.5	0.5	2	
2	Unit 2: My colours	1.5	0.5	2	
3	Unit 3: My family	1.5	0.5	2	
4	Unit 4: My toys	1.5	0.5	2	
5	Unit 5: My numbers	1.5	0.5	2	
6	Unit 6: My pets	1.5	0.5	2	
7	Unit 7: My food	1.5	0.5	2	
8	Unit 8: My clothes	1.5	0.5	2	
9	Unit 9: My park	1.5	0.5	2	
10	Review and practice	-	4	4	
<b>Tổng số giờ</b>				<b>22</b>	

Tài liệu giảng dạy: Show and Tell 1, Gabby Pritchard, Margaret Whitfield– Nhà xuất bản OXFORD – Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

STT	TÊN BÀI, CHƯƠNG	SỐ GIỜ			GHI CHÚ
		LT	TH	TỔNG	
1	Unit 1: Who's in your family?	1.5	0.5	2	

2	Unit 2: What's this?	1.5	0.5	2	
3	Unit 3: How many eyes?	1.5	0.5	2	
4	Unit 4: What do you ride?	1.5	0.5	2	
5	Unit 5: What can you find outside?	1.5	0.5	2	
6	Unit 6: What's in the toy box?	1.5	0.5	2	
7	Unit 7: What pets do you like?	1.5	0.5	2	
8	Unit 8: What can you do?	1.5	0.5	2	
9	Unit 9: What snacks do you like?	1.5	0.5	2	
10	Review and practice	-	5	5	
<b>Tổng số giờ</b>				<b>23</b>	

Tài liệu giảng dạy: Everybody Up 1, Patrick Jackson, Susan Banman Sileci – Nhà xuất bản OXFORD – Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

STT	TÊN BÀI, CHƯƠNG	SỐ GIỜ			GHI CHÚ
		LT	TH	TỔNG	
1	Unit 1: First Day	2	1	3	
2	Unit 2: Art Class	2	1	3	
3	Unit 3: Birthday Party	2	1	3	
4	Unit 4: Home	2	1	3	
5	Unit 5: The Park	2	1	3	
6	Unit 6: The Zoo	2	1	3	
7	Unit 7: Science Day	2	1	3	
8	nUnit 8: The Toy Store	2	1	3	

9	Review and practice	-	5	5	
<b>Tổng số giờ</b>				<b>29</b>	

Tài liệu giảng dạy: Everybody Up 2, Patrick Jackson, Susan Banman Sileci – Nhà xuất bản OXFORD – Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

STT	TÊN BÀI, CHƯƠNG	SỐ GIỜ			GHI CHÚ
		LT	TH	TỔNG	
1	Unit 1: How We Feel	2	1	3	
2	Unit 2: In Town	2	1	3	
3	Unit 3: Things to Eat	2	1	3	
4	Unit 4: Things to Wear	2	1	3	
5	Unit 5: Things to Do	2	1	3	
6	Unit 6: Home	2	1	3	
7	Unit 7: My Day	2	1	3	
8	Unit 8: My Week	2	1	3	
9	Review and practice	-	5.5	5.5	
<b>Tổng số giờ</b>				<b>29.5</b>	

## 1.2. Khóa Mover

Tài liệu giảng dạy: Everybody Up 3, Patrick Jackson, Susan Banman Sileci – Nhà xuất bản OXFORD – Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

STT	TÊN BÀI, CHƯƠNG	SỐ GIỜ			GHI CHÚ
		LT	TH	TỔNG	
1	Unit 1: Things to Eat	2	1	3	

2	Unit 2: Around Town	2	1	3	
3	Unit 3: People In Town	2	1	3	
4	Unit 4: Getting together	2	1	3	
5	Unit 5: Fun in the Park	2	1	3	
6	Unit 6: Helping Out	2	1	3	
7	Unit 7: Out and About	2	1	3	
8	Unit 8: Things We Use	2	1	3	
9	Review and practice	-	5	5	
<b>Tổng số giờ</b>				<b>29</b>	

Tài liệu giảng dạy: Everybody Up 4, Patrick Jackson, Susan Banman Sileci – Nhà xuất bản OXFORD – Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

STT	TÊN BÀI, CHƯƠNG	SỐ GIỜ			GHI CHÚ
		LT	TH	TỔNG	
1	Unit 1: Fun Outdoors	2	1	3	
2	Unit 2: Land and Sea	2	1	3	
3	Unit 3: Appearance	2	1	3	
4	Unit 4: Last Week	2	1	3	
5	Unit 5: A Day Out	2	1	3	
6	Unit 6: Being Creative	2	1	3	
7	Unit 7: Things to Be	2	1	3	
8	Unit 8: On Vacation	2	1	3	
9	Review and practice	-	5.5	5.5	

<b>Tổng số giờ</b>			<b>29.5</b>	
--------------------	--	--	-------------	--

### 1.3. Khóa Flyer

Tài liệu giảng dạy: Everybody Up 5, Kathleen Kampa, Charles Vilina – Nhà xuất bản OXFORD – Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

STT	TÊN BÀI, CHƯƠNG	SỐ GIỜ			GHI CHÚ
		LT	TH	TỔNG	
1	Unit 1: Vacation	2	1	3	
2	Unit 2: Camping	2	1	3	
3	Unit 3: Class Party	2	1	3	
4	Unit 4: The Amazing Rain Forest	2	1	3	
5	Unit 5: Busy Students	2	1	3	
6	Unit 6: Making Things	2	1	3	
7	Unit 7: World Travel	2	1	3	
8	Unit 8: Computers	2	1	3	
9	Review and practice	-	5	5	
<b>Tổng số giờ</b>				<b>29</b>	

Tài liệu giảng dạy: Everybody Up 6, Kathleen Kampa, Charles Vilina – Nhà xuất bản OXFORD – Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

STT	TÊN BÀI, CHƯƠNG	SỐ GIỜ			GHI CHÚ
		LT	TH	TỔNG	
1	Unit 1: Getting Around	2	1	3	
2	Unit 2: Family Life	2	1	3	
3	Unit 3: Student Life	2	1	3	
4	Unit 4: Wants and Needs	2	1	3	
5	Unit 5: Around Town	2	1	3	

6	Unit 6: Our Planet	2	1	3	
7	Unit 7: Achievements	2	1	3	
8	Unit 8: Graduation Day	2	1	3	
9	Review and practice	-	5.5	5.5	
<b>Tổng số giờ</b>				<b>29.5</b>	

## 2. Chương trình tiếng Anh IELTS

### 2.1. Khóa IELTS Foundation 1 (tương đương 0-3.5)

Tài liệu giảng dạy: Mindset IELTS for Foundation, Rachael Roberts, Joan Gakonga, Andrew Preshous - Nhà xuất bản CAMBRIDGE - Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

STT	TÊN BÀI, CHƯƠNG	SỐ GIỜ			GHI CHÚ
		LT	TH	TỔNG	
1	Unit 1: Daily Life	9	2	11	
2	Unit 2: House And Home	9	2	11	
3	Unit 3: Hobbies, Leisure And Entertainment	9	2	11	
4	Unit 4: Travel And Holidays	9	2	11	
5	Unit 5: Food	9	2	11	
6	Review and Practice	-	5	5	
<b>Tổng số giờ</b>		<b>45</b>	<b>15</b>	<b>60</b>	

## 2.2. Khóa IELTS Foundation 2 (tương đương 3.5-4.5)

Tài liệu giảng dạy: Mindset IELTS for Foundation, Rachael Roberts, Joan Gakonga, Andrew Preshous - Nhà xuất bản CAMBRIDGE - Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

STT	TÊN BÀI, CHƯƠNG	SỐ GIỜ			GHI CHÚ
		LT	TH	TỔNG	
1	Unit 6: Transport And Places In Town	9	2	11	
2	Unit 7: Jobs, Work And Study	9	2	11	
3	Unit 8: Health And Medicine	9	2	11	
4	Unit 9: Language	9	2	11	
5	Unit 10: Science And Technology	9	2	11	
6	Review and Practice	-	5	5	
<b>Tổng số giờ</b>		<b>45</b>	<b>15</b>	<b>60</b>	

## 2.3. Khóa IELTS Express (tương đương 4.5-5.5)

Tài liệu giảng dạy: Mindset IELTS Level 1, Peter Crosthwaite, Susan Hutchison, Claire Wijayatilake, Natasha De Souza - Nhà xuất bản CAMBRIDGE - Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

STT	TÊN BÀI, CHƯƠNG	SỐ GIỜ			GHI CHÚ
		LT	TH	TỔNG	
1	Unit 1: Relationships	10	3	13	
2	Unit 2: Places And Buildings	10	3	13	
3	Unit 3: Education And Employment	10	3	13	
4	Unit 4: Food And Drink	12	3	15	
5	Unit 5: Consumerism	12	3	15	

6	Unit 6: Leisure Time	12	3	15	
7	Unit 7: Fame And The Media	12	3	15	
8	Unit 8: Natural World	12	3	15	
9	Review and Practice	-	6	6	
<b>Tổng số giờ</b>		<b>90</b>	<b>30</b>	<b>120</b>	

### 3.4. Khóa IELTS Essential (tương đương 5.5-6.5)

Tài liệu giảng dạy: Mindset IELTS Level 2, Peter Crosthwaite, Natasha De Souza, Marc Loewenthal - Nhà xuất bản CAMBRIDGE - Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

STT	TÊN BÀI, CHƯƠNG	SỐ GIỜ			GHI CHÚ
		LT	TH	TỔNG	
1	Unit 1: The Man-Made Environment	10	3	13	
2	Unit 2: Leisure And Education	10	3	13	
3	Unit 3: The News And Media	10	3	13	
4	Unit 4: Travel And Transport	12	3	15	
5	Unit 5: Business And Work	12	3	15	
6	Unit 6: The Natural Environment	12	3	15	
7	Unit 7: Education Systems	12	3	15	
8	Unit 8: Festivals And Traditions	12	3	15	
9	Review and Practice	-	6	6	
<b>Tổng số giờ</b>		<b>90</b>	<b>30</b>	<b>120</b>	

### 3.5. Khóa IELTS Power (tương đương 6.5-7.5)

Tài liệu giảng dạy: Mindset IELTS Level 3, Greg Archer, Claire Wijayatilake - Nhà xuất bản CAMBRIDGE - Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

STT	TÊN BÀI, CHƯƠNG	SỐ GIỜ			GHI CHÚ
		LT	TH	TỔNG	
1	Unit 1: Urban And Rural Life	10	3	13	
2	Unit 2: Health	10	3	13	
3	Unit 3: Art And Architecture	10	3	13	
4	Unit 4: Finance And Business	12	3	15	
5	Unit 5: History	12	3	15	
6	Unit 6: Science And Technology	12	3	15	
7	Unit 7: Television, News And Current Affairs	12	3	15	
8	Unit 8: Culture	12	3	15	
9	Review and Practice	-	6	6	
<b>Tổng số giờ</b>		<b>90</b>	<b>30</b>	<b>120</b>	